

Số: 13/2023/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mức hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh
cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013; Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017; Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 và Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 01 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các Công văn: Số 1914/SNNPTNT-CNTY ngày 13 tháng 6 năm 2022, số 1078/SNNPTNT-VP ngày 24 tháng 3 năm 2023; của Giám đốc Sở Tài chính tại các Tờ trình: Số 48/TTr-STC ngày 29 tháng 8 năm 2022, số 10/TTr-STC ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Công văn số 861/STC-HCSN ngày 27 tháng 3 năm 2023; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 145/BC-STP ngày 12 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2023. Bãi bỏ điểm 2.1 và điểm 2.3, khoản 2, Điều 2 Quyết định số 353/QĐ-

UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và khoản 2, Điều 1 Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Lao động, Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh, các Tổ chức CT-XH tỉnh;
- VPUB: PCVP, các Phòng Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTN. 174



Đặng Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh cây trồng,
vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

(Kèm theo Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do ảnh hưởng của các loại hình dịch bệnh nguy hiểm, được công bố theo quy định pháp luật về thú y, thủy sản, lâm nghiệp và các dịch bệnh công bố dịch theo quy định pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ nông dân, người nuôi trồng thủy sản, chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (sau đây gọi là *hộ sản xuất*) bị thiệt hại trực tiếp do dịch bệnh theo quy định tại Điều 1 Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chính sách này.

Điều 3. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đối với cây trồng:

a) Diện tích lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;

b) Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

c) Diện tích lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha;

d) Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

đ) Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;

e) Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

2. Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp:

a) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha;

b) Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

3. Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản:

a) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 8.500.000 đồng/ha;

b) Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái tôm rừng, tôm kết hợp) bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 5.000.000 đồng/ha;

c) Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 7.000.000 đồng/ha;

d) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 25.000.000 đồng/ha;

đ) Diện tích nuôi nhuyễn thể bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 50.000.000 đồng/ha;

e) Lồng, bè nuôi nước ngọt bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 5.000.000 đồng/100m³ lồng; bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 8.500.000 đồng/100m³ lồng;

g) Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 25.000.000 đồng/ha;

h) Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 25.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 43.000.000 đồng/ha;

i) Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (xa bờ, ven đảo) bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 13.000.000 đồng/100m³ lồng; bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 18.000.000 đồng/100m³ lồng;

k) Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 5.000.000 đồng/ha;

4. Hỗ trợ đối với vật nuôi gia súc, gia cầm: Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ sản xuất có gia súc, gia cầm phải tiêu hủy bắt buộc do mắc dịch bệnh hoặc trong vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy với mức hỗ trợ, cụ thể:

- a) Hỗ trợ 38.000 đồng/kg hơi đối với lợn;
- b) Hỗ trợ 45.000 đồng/kg hơi đối với trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai;
- c) Hỗ trợ 35.000 đồng/con gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng).

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách Trung ương: Hỗ trợ 50% mức hỗ trợ thiệt hại theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 7, Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

2. Ngân sách địa phương (huyện, thị xã, thành phố): Hỗ trợ 50% mức hỗ trợ thiệt hại.

Trường hợp các địa phương có mức độ thiệt hại lớn, sử dụng vượt quá 50% nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố được UBND tỉnh giao, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ cho ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố để thực hiện.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. UBND các huyện, thị xã và thành phố

a) Sau đợt dịch hoặc cuối năm, tổng hợp kinh phí hỗ trợ cho hộ sản xuất gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

b) Chủ động sử dụng nguồn kinh phí dự phòng ngân sách cấp huyện chi cho công tác phòng, chống dịch và sử dụng 50% dự phòng chi ngân sách địa phương để chi hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh theo quy định tại khoản 2 Điều 7, Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

c) Sau khi tiếp nhận nguồn kinh phí theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương theo quy định, UBND các huyện, thị xã, thành phố chi hỗ trợ cho hộ sản xuất theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ báo cáo kinh phí hỗ trợ cho hộ sản xuất của UBND các huyện, thị xã và thành phố tổng hợp kinh phí hỗ trợ cho hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định.

3. Sở Tài chính

a) Căn cứ báo cáo tổng hợp kinh phí hỗ trợ cho hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cấp phần kinh phí dự phòng ngân sách trung ương theo quy định.

b) Tổng hợp, tham mưu đề xuất UBND tỉnh để hỗ trợ phân chênh lệch vượt quá 50% dự phòng ngân sách của các huyện, thị xã, thành phố để có đủ nguồn kinh phí thực hiện.

c) Sau khi tiếp nhận nguồn dự phòng ngân sách trung ương hỗ trợ, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí dự phòng ngân sách cấp huyện để chi hỗ trợ cho hộ sản xuất theo quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.